

Số: /QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Quyết định số 1731 ngày 13/5/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học năm 2026 đối với Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-ĐHHL ngày 21/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hoa Lư;

Theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh thường xuyên năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026 của Trường Đại học Hoa Lư.

**Điều 2.** Thông tin tuyển sinh được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

**Điều 3.** Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức thường xuyên năm 2026, các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Lưu: VT, GDTX.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

### Hình thức đào tạo: Thường xuyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHL ngày tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Hoa Lư
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DNB
- Địa chỉ:** Đường Xuân Thành, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://hluv.edu.vn/vi>
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:** <http://hluv.edu.vn/vi/tuyen-sinh>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0229.3892.700.
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường:**  
<http://hluv.edu.vn/vi/html/ba-cong-khai/999>

### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN:

#### 1. Tuyển sinh đào tạo thường xuyên đối tượng tốt nghiệp THPT

**1.1. Đối tượng tuyển sinh:** Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

## **1.2. Điều kiện dự tuyển:**

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định (Trường có quy định cụ thể đối với từng phương thức tuyển sinh);
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với thí sinh khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận suy giảm khả năng học tập, Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc theo học ngành học phù hợp với điều kiện sức khoẻ của thí sinh.

## **1.3. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

## **1.4. Mô tả phương thức tuyển sinh:**

- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (Mã phương thức: 100)
- Ngành xét tuyển: *Giáo dục Tiểu học, Giáo dục mầm non*
- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên.
- Điểm ưu tiên (gồm điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên theo khu vực) được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.
- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn).
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm đăng ký xét tuyển) do Bộ GDĐT quy định và Nhà trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

## **1.5. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

Điểm xét tuyển của các tổ hợp khác nhau, phương thức tuyển sinh khác nhau có cùng mức quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển (theo thang 30 điểm).

### 1.5. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính
1.	DNB_7140202 TX	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	50	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Ngữ văn, Lịch sử: (C03) - Toán, Ngữ văn, Địa lí: (C04) - Toán, Ngữ văn, Vật lí: (C01) - Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL: (C14)	Toán
2	DNB_7140201 TX	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	50	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh: (D14) - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: (C00) - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL: (X70) - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL: (X74) - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh: (D01) - Ngữ văn, Toán, Lịch sử: (C03) - Ngữ văn, Toán, Địa lí: (C04)	Ngữ văn

**Ghi chú:** Trong tổ hợp đăng ký xét tuyển có môn tiếng Anh nếu thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.0 hoặc TOEFL iBT (không nhận bản Home Edition) từ 6.0 trở lên (trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ tính đến tháng 8/2026) được quy về thang điểm 10 để xét tuyển thay thế môn tiếng Anh như sau:

STT	IELTS	TOEFL iBT	Điểm quy đổi
1	7.0 trở lên	86 trở lên	10
2	6.5	79-85	9.5
3	6.0	70-78	9.0

4	5.5	65-69	8.5
5	5.0	60-64	8.0

## 2. Tuyển sinh đào tạo đại học thường xuyên với đối tượng tốt nghiệp Trung cấp

**2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:** Người đã tốt nghiệp Trung cấp

**2.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

**2.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc học Trung cấp (**Mã phương thức: 500**)

**2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	DNB_7140201TX	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển từ trình độ trung cấp	10

## 3. Tuyển sinh đào tạo đại học thường xuyên với đối tượng tốt nghiệp Cao đẳng

**3.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:** Người đã tốt nghiệp Cao đẳng

**3.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

**3.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc học Cao đẳng (**Mã phương thức: 500**)

**3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	DNB_7140201TX	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển từ trình độ cao đẳng	85
2	DNB_7140202TX	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển từ trình độ cao đẳng	130
3	DNB_7140209TX	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển từ trình độ cao	5

					đăng	
4	DNB_7140249TX	Sư phạm Lịch sử- Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử- Địa lý	Xét tuyển từ trình độ cao đẳng	5
5	DNB_7140247TX	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Xét tuyển từ trình độ cao đẳng	5

#### 4. Tuyển sinh đào tạo đại học thường xuyên với đối tượng tốt nghiệp Đại học

**4.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:** Người đã tốt nghiệp Đại học.

**4.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

**4.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc học Đại học (**Mã phương thức: 500**)

**4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	DNB_7140201TX	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển từ trình độ đại học	5
2	DNB_7140202TX	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển từ trình độ đại học	20
3	DNB_7140209TX	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển từ trình độ đại học	15
4	DNB_7140249TX	Sư phạm Lịch sử- Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử- Địa lý	Xét tuyển từ trình độ đại học	15
5	DNB_7140247TX	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Xét tuyển từ trình độ đại học	15

#### 5. Ngưỡng đầu vào

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển phải đạt một trong các tiêu chí sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019: có điểm TBC học tập ở bậc trung cấp hoặc cao đẳng từ 5,0 trở lên (theo thang 10) hoặc 2,0 trở lên (theo thang 4).

**6. Các thông tin cần thiết khác:**

- Số điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: **0229.3892.700**; (Khoa Giáo dục thường xuyên)

**7. Tổ chức tuyển sinh:** Tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm

**8. Chính sách ưu tiên:** Theo quy định hiện hành

**9. Lệ phí xét tuyển:** 100.000 đồng/hồ sơ

**10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm 2026**

- Đợt 1: Tháng 6/2026

- Đợt 2: Tháng 9/2026

**11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

**11.1. Thông tin về tuyển sinh đại học vừa làm vừa học đối tượng từ THPT 2 năm gần nhất**

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025			Ghi chú
						Chi tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển (đợt 1)	Chi tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển (đợt 1)	
1	DNB_714020 1VLVH	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	KQ thi TN THPT	150	26	19,25	50	0		
					KQ thi TN THPT kết hợp thi NK		8	19,25		13	19	
					KQ học tập cấp		1	25.86		0		

					THPT							
					KQ học tập cấp THPT kết hợp thi NK		0	19,25		0		
2	DBN_714020 2VLVH	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Kết quả thi TN THPT	200	53	23.48	70	31	19	
					Kết quả học tập (học bạ)		12	25.33		0		

### 11.2. Thông tin về tuyển sinh đại học vừa làm vừa học đối tượng từ Trung cấp 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2024		Năm tuyển sinh 2025		Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	
1	DNB_71402 01VLVH	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển	5	9	15	15	
2	DNB_71402 02VLVH	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển	3	3	0	1	
3	DNB_71402 09VLVH	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển	5	0	0	0	

### 11.3. Thông tin về tuyển sinh đại học vừa làm vừa học đối tượng từ Cao đẳng 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2024	Năm tuyển sinh 2025	Ghi chú
----	--------------	--	----------------------------	--------------------------	------------------------------	---------------------	---------------------	---------

						Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	
1	DNB_714020 1VLVH	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển	20	21	300	212	
2	DNB_714020 2VLVH	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển	7	9	20	39	
3	DNB_714020 9VLVH	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển	10	1	10	2	

**11.4. Thông tin về tuyển sinh đại học vừa làm vừa học đối tượng từ Đại học 2 năm gần nhất**

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2024		Năm tuyển sinh 2025		Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	Chỉ tiêu	Số thí sinh nhập học	
1	DNB_714020 1VLVH	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển	5	0	15	9	
2	DNB_714020 2VLVH	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển	30	29	60	19	
3	DNB_714020 9VLVH	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển	15	20	20	20	

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Vũ Văn Trường**

